TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 09-6-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Phương;
Ông Nguyễn Thế Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Công Đồ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-DS ngày 23/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần (viết tắt là TMCP) B
Địa chỉ: 109 T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Thu T – chức vụ: chuyên viên xử lý nợ – Ngân hàng B chi nhánh tỉnh Phú Yên (nhận ủy quyền lại theo giấy ủy quyền số 68/2022/GUQ-LPB.PY ngày 22/12/2022 và quyết định ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc ngân hàng TMCP B);

Địa chỉ: 197-199 H, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:*Bà Lê Thị Bích T, sinh năm: 1972; Ông Dương Văn S, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn Â, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Bà T, ông S đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ngân hàng TMCP B trình bày:

Vợ chồng bà Lê Thị Bích T, ông Dương Văn S có vay tín dụng của ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt chi nhánh tỉnh Phú Yên với số tiền 100.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số HDTD60020201368 ký ngày 28/8/2020, áp dụng lãi suất 8,5%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm, lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm, thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 29/8/2020 đến ngày 28/8/2024), mục đích vay tiêu dùng, khoản vay không có tài sản bảo đảm;

Quá trình sử dụng vốn vay, đến ngày 15/9/2022, do không trả được nợ nên khoản vay của bà Lê Thị Bích T, ông Dương Văn S đã bị chuyển sang nợ quá hạn sau ngày 15/9/2022. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, ngân hàng TMCP B đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện để bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không trả. Do vậy, ngân hàng đã thực hiện việc khởi kiện, tính đến ngày 22/12/2022 bị đơn còn nợ của ngân hàng 55.206.758 đồng (trong đó tiền gốc là 52.159.982 đồng, lãi trong hạn 2.857.086 đồng, lãi quá hạn 189.690 đồng). Trong quá trình Tòa án giải quyết bị đơn đã trả được 10.958.607 đồng (trong đó 8.320.000 đồng tiền gốc và 2.638.607 đồng tiền lãi). Tính đến ngày 09/6/2023 bị đơn còn nợ của ngân hàng 48.676.456 đồng (trong đó gốc 43.840.000 đồng, lãi trong hạn 4.301.119 đồng, lãi quá hạn 535.337 đồng). Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả ngay toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng.

Bị đơn Lê Thị Bích T và Dương Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt. Tại biên bản làm việc ngày 16/02/2023 (Bút lục 30) ông Dương Văn S khai vợ chồng ông có vay của Ngân hàng TMCP B đúng như nội dung Ngân hàng đã khởi kiện, do 06 tháng qua không có việc làm nên vợ chồng không trả được nợ, nay vợ chồng đi làm lại sẽ trả nợ cho ngân hàng và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Tại biên bản xác minh ngày 06/4/2023 (Bút lục 46) của Tòa án nhân dân huyện P, Công an xã H cung cấp vợ chồng bà T, ông S có sinh sống và làm việc tại địa phương.

Bà Lê Thị Bích T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đều vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 09/6/2023 là 48.676.456 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng, đến khi trả hết nợ.

Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn chấp hành không đúng; Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng số tiền là 48.676.456 đồng (trong đó gốc 43.840.000 đồng, lãi trong hạn 4.301.119 đồng, lãi quá hạn 535.337 đồng), tính đến ngày xét xử 09/6/2023 và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện hợp đồng tín dụng với bị đơn Lê Thị Bích T, Dương Văn S có địa chỉ tại thôn Â, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng (là trường hợp cụ thể của quan hệ hợp đồng dân sự), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Lê Thị Bích T vắng mặt 02 lần không có lý do, ông Dương Văn S vắng mặt 02 lần, nhưng có nội dung trình bày xin xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ theo Điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 15/9/2022 bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn, ngân hàng có đơn khởi kiện vào ngày 04/01/2023 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 BLDS 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả ngay số tiền 48.676.456 đồng, tính đến ngày 09/6/2023. HĐXX thấy rằng: Giữa ngân hàng TMCP B và bị đơn vợ chồng bà Lê Thị Bích T, ông Dương Văn S có tự nguyện giao kết với nhau bằng hợp đồng tín dụng vào ngày 28/8/2020, theo đó Ngân hàng TMCP B đã giải ngân cho bà T, ông S vay vốn với số tiền 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, gốc lãi được trả vào 15 hàng tháng và trả trong vòng 48 tháng. Bị đơn ông S thừa nhận khoản vay này, bà T được Tòa án thông báo nhiều lần, biết việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng không ý kiến gì, là mặc nhiên thừa nhận các nội dung khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại điều 92 BLTTDS đây là tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh.

Quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn đã trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng đến ngày 15/9/2022 thì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 09, 10, 11/2022 theo như giao kết hợp đồng và ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và thực hiện khởi kiện tại Tòa án. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn đã trả được một phần, nên tính đến ngày 09/6/2023 dư nợ gốc còn lại là 43.840.000 đồng.

Do đó, ngân hàng yêu cầu phải trả khoản tiền gốc là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi với số tiền lãi trong hạn 4.301.119 đồng, lãi quá hạn 535.337 đồng tính đến ngày 09/6/2023: Tại Điều 2 thời hạn và lãi suất cho vay của Hợp đồng tín dụng số HDTD60020201368 ký ngày 28/8/2020, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận tính lãi trong hợp đồng 8,5%/năm, lãi quá hạn 150%/năm, lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm, là phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng và phù hợp với nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi của nguyên đơn.

[6] Đối với các đề xuất của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tương ứng với nghĩa vụ trả nợ là 48.676.456 đồng x 5%= 2.434.000 đồng. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B số tiền 1.380.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, 228, Điều 273 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

Buộc bị đơn bà Lê Thị Bích T, ông Dương Văn S phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 48.676.456 đồng (trong đó gốc 43.840.000 đồng, lãi trong hạn 4.301.119 đồng, lãi quá hạn 535.337 đồng) cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B, theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/6/2023), bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP B với bà Lê Thị Bích T, ông Dương Văn S cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ;.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị đơn Lê Thị Bích T, Dương Văn S phải chịu 2.434.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền 1.380.000 đồng (*Một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0009311 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trương Thị Thu Hiền